

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 3 – 2023

V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Đạt Phương.

Ông Dư Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/11/2023, về việc “yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiền T, sinh năm 1973. Địa chỉ: xã Đ T, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Phước (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm M, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2022 nguyên đơn ông Nguyễn Tiền T trình bày:

Từ năm 1995 ông T và bà L chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là: Nguyễn Lâm Th, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2003. Đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra cãi vã nên không thể tiếp tục chung sống và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Trong quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung, nợ chung.

Nay ông Nguyễn Tiền T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản chính Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bà Võ Thị Kim L ngày 19/8/2022; 01 bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông T; 01 bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Bích T; 01 bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Lâm Th.

- Bị đơn bà Võ Thị Kim L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án số 259/TB-TLVA ngày 14/11/2022; Thông báo số 01/TB-TA và giấy triệu tập số 01/GTT-TA cùng ngày 29/12/2022 v.v.. của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhưng không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến việc về tuân thủ pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tiền T không công nhận ông T và bà L là quan hệ vợ chồng và buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh: Bị đơn không phản đối các tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tiền T, bà Võ Thị Kim L và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiền T Hội đồng xét xử nhận thấy: ông T và bà L sống chung với nhau vào năm 1995 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại điểm b khoản 3

Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*” nên theo quy định nêu trên không công nhận ông T và bà L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà L có với nhau hai người con chung là anh Nguyễn Lâm Th, sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành phát triển khỏe mạnh, bình thường không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà L không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng về quan điểm giải quyết vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa ông Nguyễn Tiền T và bà Võ Thị Kim L là vợ chồng.

2/. Về con chung: Hai người con chung của ông T và bà L là anh Nguyễn Lâm Th, sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, bình thường không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Tiền T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000804 ngày 02/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí.

- Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương